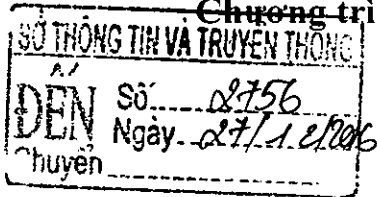


Số: **60** /2016/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **10** tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 2340/TTr-UBND ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra số 506/BC-HĐND ngày 02/12/2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

(Có Quy định kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khoá XIV Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Lao động, TB-XH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 60 /2016/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 của tỉnh. Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

3. Việc phân bổ vốn phải theo các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

4. Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các huyện, thành phố, ưu tiên hỗ trợ các vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Căn cứ tính điểm: Quy mô dân số, số hộ dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số, số hộ nghèo, quy mô hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo của huyện, xã để tính điểm căn cứ vào số liệu công bố của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. Diện tích đất tự nhiên, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính điểm căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2015 do Cục Thống kê tỉnh công bố.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Xác định điểm của từng tiêu chí theo từng Dự án

1. Dự án 1. Chương trình 30a

a) Tiêu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo

* Các tiêu chí:

Tiêu chí	Điểm
I. Tiêu chí 1: Dân số và dân tộc thiểu số	
1. Dân số	
- Huyện có dưới 5.000 hộ	0,15
- Huyện có từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,17
- Huyện có từ 10.000 hộ trở lên	0,2
2. Dân tộc thiểu số	
- Huyện có dưới 5.000 hộ dân tộc thiểu số	0,15
- Huyện có từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ dân tộc thiểu số	0,17
- Huyện có từ 10.000 hộ dân tộc thiểu số trở lên	0,2
II. Tiêu chí 2: Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo	
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 45%	0,2
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% đến dưới 60%	0,22

- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 60% trở lên	0,24
2. Quy mô hộ nghèo	
- Huyện có dưới 4.000 hộ nghèo	0,2
- Huyện có từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ nghèo	0,22
- Huyện có từ 6.000 hộ nghèo trở lên	0,24
III. Tiêu chí 3: Diện tích tự nhiên	
1. Huyện có dưới 50.000 ha	0,1
2. Huyện có từ 50.000 ha đến dưới 100.000 ha	0,12
3. Huyện có từ 100.000 ha trở lên	0,14
IV. Tiêu chí 4: Đơn vị hành chính và huyện có xã biên giới	
1. Đơn vị hành chính	
- Huyện có dưới 10 xã	0,1
- Huyện có từ 10 đến dưới 20 xã	0,12
- Huyện có từ 20 xã trở lên	0,14
2. Huyện có xã biên giới	
- Huyện có dưới 5 xã biên giới	0,1
- Huyện có từ 5 xã đến dưới 10 xã biên giới	0,12
- Huyện có từ 10 xã biên giới trở lên	0,14

* Định mức phân bổ:

- Đối với vốn đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = A x X

Trong đó:

A: Định mức vốn bình quân cho một điểm (Bằng tổng vốn giao chia cho tổng số điểm hệ số của tỉnh).

X: Tổng điểm theo 04 nhóm tiêu chí của huyện (điểm theo dân số + điểm theo dân tộc thiểu số + điểm theo tỷ lệ hộ nghèo + điểm theo quy mô hộ nghèo + điểm theo diện tích đất tự nhiên + điểm theo số đơn vị hành chính + điểm theo số xã biên giới).

- Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển của huyện đó.

b) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (kinh phí sự nghiệp)

* Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Tiêu chí và định mức phân bổ: Áp dụng theo các tiêu chí và định mức phân bổ vốn thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 1 (Chương trình 30a).

* Hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo: Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tiêu dự án 4. Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (kinh phí sự nghiệp)

Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Dự án 2. Chương trình 135

a) Tiêu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn

* Các tiêu chí cụ thể:

- Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I, II (K):
Mức phân bổ bình quân 200 triệu đồng/bản/năm.

- Đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới:

+ Tiêu chí về thôn, bản đặc biệt khó khăn (H1)

Tiêu chí	Điểm
1. Xã có dưới 7 thôn, bản đặc biệt khó khăn	5
2. Xã có từ 7 đến 10 thôn, bản đặc biệt khó khăn	6
3. Xã có từ 11 thôn, bản đặc biệt khó khăn trở lên	7

Thôn, bản đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn bản đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135.

+ Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo (H2): So với tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh

Tiêu chí	Điểm
1. Xã có tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn tỷ lệ chung của cả tỉnh	0
2. Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 1,0 lần đến 1,5 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,02
3. Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 1,5 lần đến 2,0 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,03
4. Xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 2,0 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,04

+ Tiêu chí về tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số (H3)

Tiêu chí	Điểm
1. Xã có dưới 70% hộ dân tộc thiểu số tính	0,03
2. Xã có từ 70% - 90% hộ dân tộc thiểu số tính	0,04
3. Xã có trên 90% hộ dân tộc thiểu số tính	0,05

* Xác định vốn được phân bổ:

- Đối với vốn đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư cho một xã đặc biệt khó khăn được tính theo công thức: $X = ((M-K)/N) \times Y$

Trong đó:

+ Y là tổng điểm các nội dung: $Y = H1x(1+H2+H3)$

+ N là tổng điểm các huyện, thành phố cộng lại.

+ M là tổng vốn đầu tư phát triển.

+ K là vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I, II (theo định mức 200 triệu đồng/bản)

- Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển của huyện đó.

b) Tiêu dự án 2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn

* Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế:

- Các tiêu chí:

+ Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I, II: Mức phân bổ bình quân 50 triệu đồng/bản/năm.

+ Đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới: Áp dụng theo các tiêu chí và định mức phân bổ vốn thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 2 (Chương trình 135).

* Hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo: Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tiêu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn

Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế

- Các tiêu chí:

Tiêu chí	Điểm
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 15%	0,5
- Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 25%	0,55
- Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên	0,6

2. Quy mô hộ nghèo	
- Xã có quy mô hộ nghèo dưới 100 hộ	0,5
- Xã có quy mô hộ nghèo từ 100 hộ đến dưới 200 hộ	0,6
- Xã có quy mô hộ nghèo từ 200 hộ trở lên	0,7

- Định mức phân bổ: Tổng vốn bố trí cho một xã = A x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một điểm (Bằng tổng vốn trung ương giao chia cho tổng số điểm hệ số của các xã).

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí của xã (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

b) Hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo: Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (*kinh phí sự nghiệp*)

Bao gồm kinh phí chi cho hoạt động truyền thông về giảm nghèo; hoạt động giảm nghèo về thông tin: Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 mức tối thiểu 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình./.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn